

trước khi Hiến pháp được chấp thuận và áp dụng sẽ được chính phủ liên bang gánh chịu trách nhiệm thanh toán.

2. Hiến pháp và các hiện ước được ký kết bởi chính phủ liên bang là luật cao nhất, luật tiểu bang không được trái với Hiến pháp và các hiệp ước liên bang.

3. Tuyên thệ nhậm chức. - Tất cả các viên chức liên bang cũng như tiểu bang, thuộc các ngành Lập pháp, Hành pháp, Tư pháp, phải tuyên thệ ủng hộ và bảo vệ Hiến pháp, trước khi nhậm chức.

Nhưng mọi trách nhiệm tôn giáo sẽ bị cấm, trong việc tuyển chọn nhân viên các cấp, các ngành liên bang cũng như tiểu bang.

ĐIỀU 7: PHIẾ CHUẨN

Hiến pháp sẽ trở thành luật của toàn quốc (The law of the nation) sau khi được 9 trong số 13 tiểu bang phê chuẩn.

Làm xong tại Hội nghị thảo luận với sự đồng thuận của đại diện các tiểu bang.

Ngày 17 tháng 9, năm 1787

Ký tên bởi:

G. Washington, Chủ tịch Hội nghị và là đại diện của tiểu bang Virginia.

John Langdon và Nicholas Gilman (New Hampshire)

Alexander Hamilton (New York)

William Livingston, David Brearley,

William Paterson và Jonathan Dayton (New Jersey)

Jame Mc Henry, Daniel of St. Thomas Jenifer và Daniel Carroll (Maryland)

John Blair và James Madison (Virginia)

Nathaniel Gorham và Rufus King (Massachusetts)

George Read, Gunning Bedford, John Dickinson, Richard Basset và Jacob Broom (Delaware)

John Rutledge, Charles Cotesworth Pinckney, Charles Pinckney và Pierce Butler (South Carolina)

William Samuel Johnson và Roger Sherman (Connecticut)

Benjamin Franklin, Thomas Mifflin, Robert Morris, George Clymer, Thomas Fitzsimons, Jare. Ingersoll, James Wilson và Gouverneur Morris (Pennsylvania)

William Blount, Richard Dobbs Spaight và Hugh Williamson (North Carolina)

William Few và Abraham Baldwin (Georgia)

William Jackson, Thư ký

Trên đây là tên các tiểu bang và các nhân vật lịch sử đã tạo ra bản Hiến pháp cho nước Mỹ, ngày nay người Mỹ xem những nhân vật trên đây là cha đẻ ra Hiến pháp.

(Phần còn lại trong loạt bài này là bài tìm hiểu các tu chính Hiến pháp)

NVL

(*) Theo dõi PTKT từ số 14 (tháng 11.91)

VIỆT NAM - ASEAN NỐI VÒNG TAY LỚN

VĂN THÁ

ĐẶC TRƯNG TOÀN CẢNH KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

Khu vực Đông Nam Á (South East Asia) bao gồm 10 quốc gia (1) với tổng diện tích gần 4,5 triệu km² và dân số gần 450 triệu (1990), chiếm 3,3% diện tích lãnh thổ kinh tế xã hội toàn thế giới và 8,5% dân số thế giới, bằng 2 lần quy mô lãnh thổ của 12 nước EEC và bằng 1,3 lần dân số của EEC. Quy mô lãnh thổ và dân số của 10 nước được phân bố như sau:

vào hàng đầu thế giới (Singapore: 464,7 người/km²), nhưng lại có nước thưa dân dưới mức trung bình của thế giới (Lào: 16,4 người/km²). Tình hình đô thị hóa với trọng dân số thành thị cũng khác xa nhau có nước tỉ trọng dân số thành thị cao nhất thế giới (Singapore: 100%) nhưng lại có nước tỉ trọng dân số thành thị vào loại thấp nhất thế giới như Lào (17,5%), Campuchia (11,3%).

Các nước trong khu vực Đông Nam Á đều là những nước đang phát triển, có c

Tên nước	Diện tích (ngàn km ²)	Dân số (triệu người)
1. Indonesia	1905	178.2
2. Việt Nam	331	66.2
3. Philippines	300	61.2
4. Thái Lan	514	55.4
5. Mianma (Miến Điện)	676.5	40.8
6. Malaysia	330	17.5
7. Campuchia	181	8.0
8. Lào	236.8	4.2
9. Singapore	0.6	2.7
10. Brunei	5.8	0.3

Nguồn: W.B. World Development Report 1991

Ưu thế nổi bật của vị trí địa lý khu vực ĐNÁ là hầu hết các quốc gia (trừ Lào) đều tiếp cận với đại dương và nằm trên ngã tư trên vùng qua lại của các đường hàng hải quốc tế Đông Bán Cầu. Khí hậu bao trùm trên toàn khu vực là khí hậu nhiệt đới-xích đạo-dại dương-gió mùa, rất dồi dào nắng gió, nguồn nước và nông lâm hải sản nhiệt đới xích đạo... Nhưng đây cũng là vùng có nhiều nhiều loạn thời tiết gây ra bão tố lũ lụt, xói mòn đất đai, sâu bệnh hại cây trồng và gia súc. Tài nguyên khoáng sản có nhiều loại, nhưng trữ lượng không lớn lắm, đáng kể là dầu lửa (Indonesia, Việt Nam, Brunei, Malaysia), bô-xít, vàng (Philippines), thiếc (Malaysia)... Một ưu thế chung về tài nguyên nữa là cảnh quan đa dạng, nhiều màu sắc, chan hòa nắng gió với biển xanh, trời biếc, cát vàng và những hòn đảo đầy thơ mộng, quyến rũ khách du lịch.

Phần lớn cư dân khu vực ĐNÁ có gốc châu Á, chịu nhiều ảnh hưởng văn hoá Trung Hoa và Ấn Độ, theo đạo Phật và đạo Hồi. Hơn 80% dân số khu vực tập trung ở 4 nước đông dân nhất là Indonesia, Việt Nam, Philippines và Thái Lan, đây cũng là 4 trong số hơn 20 nước đông dân nhất thế giới. Mật độ dân cư chênh lệch nhau nhiều: có nước mật độ dân cư đông

cấu kinh tế nông công nghiệp với nền sản xuất chủ yếu dựa vào nông nghiệp. Riêng Singapore trong những năm 80 đã phát triển mạnh công thương nghiệp dịch vụ và trở thành một trong bốn nước công nghiệp mới (NIC) ở châu Á, nhưng lại không phát triển được nông nghiệp và hoàn toàn dựa vào nguồn lương thực, thực phẩm ngoại nhập. Trình độ phát triển sức sản xuất chưa cao, quy mô kinh tế toàn khu vực còn nhỏ GNP của Đông Nam Á (10 nước) năm 1989 chỉ đạt dưới 300 tỉ USD, bằng 1,5% GNP của toàn thế giới, nhỏ hơn quy mô GNP của Tây Ban Nha, một thành viên trung bình của EEC 12 nước. Đông Nam Á vẫn là khu vực thuộc nhóm nước thu nhập thấp trên thế giới: bình quân GNP theo đầu người trên toàn khu vực chỉ xấp xỉ 600 USD/người (1989). Riêng Singapore và Brunei có bình quân GNP cao (10-15 ngàn USD/người), nhưng dân số của hai nước này cộng lại chỉ chiếm 0,65% dân số toàn khu vực và vì vậy cũng không góp phần làm "giàu có" khu vực này là được bao nhiêu. Nước chiếm gần 40% dân số ĐNÁ là Indonesia, bình quân GNP theo đầu người vẫn ở mức 500 USD. Nước chiếm gần 15% dân số khu vực là Việt Nam, bình quân còn thấp hơn nữa. Philip

Philippines chiếm 14% dân số khu vực, cũng chỉ có mức bình quân GNP theo đầu người đạt 700 USD. Hai nước có bình quân cao hơn là Malaysia (2.160 USD/người) và Thái Lan (1.230 USD/người), nhưng vẫn còn xa mới đạt mức bình quân trung bình của toàn thể giới (3.980 USD/người, năm 1989). Hầu hết các nước ĐNÁ đều có nợ nước ngoài: tổng số nợ toàn khu vực đã vượt con số 120 tỉ USD. Các sản phẩm có giá trị xuất khẩu của ĐNÁ là: dầu lửa (100 triệu tấn/năm), thiếc, cao su thiên nhiên, gạo, cacao, chè, lạc, thủy hải sản, một số hàng công nghiệp chế biến hiện đại (Singapore), nông phẩm dệt, hàng tiêu dùng, thực phẩm chế biến. Nước có bình quân kim ngạch xuất khẩu cao là Singapore (8.800 USD/người) và Malaysia (1020 USD/người, 1989).

VÀ 10

Sáu trong số 10 nước ĐNÁ năm 1967 đã hình thành một tổ chức liên kết kinh tế quốc tế theo khu vực ở mức độ mật độ tự do (free trade), đó là Hiệp hội các nước ĐNÁ (ASEAN) gồm 6 thành viên hình thức: Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Philippines, Singapore và Brunei (mới gia nhập năm 1984).

ASEAN 6 nước chiếm hơn 2/3 diện tích và dân số của khu vực ĐNÁ 10 nước, tức là 2,3% diện tích và 6,4% dân số thế giới, lớn hơn EEC 12 nước cả về diện tích và dân số. Tuy nhiên, quy mô GNP của ASEAN 6 nước chỉ bằng 1/16 quy mô GNP của EEC 12 nước. Ra đời sau EEC 10 năm, vai trò và vị trí của ASEAN trên thị trường thế giới chưa lớn. Trừ Singapore có sản phẩm công nghiệp chế biến hiện đại xuất khẩu và tham gia tích cực vào thị trường thế giới, còn các thành viên khác phần lớn đều là nước nông công nghiệp, mạnh về các mặt hàng nông sản nhiệt đới (gạo, cao su, cà phê, chè...) và một vài khoáng sản đáng kể như thiếc (35% sản lượng quặng thiếc của thế giới), dầu lửa. Bình quân kim ngạch xuất khẩu theo đầu người của Singapore vượt cả bình quân của EEC và chỉ thua mức bình quân của 6 nước trong Hiệp hội Mậu dịch tự do châu Âu (EFTA) nhưng các nước thành viên khác thì chỉ đạt trên dưới 100 USD/người. ASEAN 6 nước chưa đủ mạnh để trở thành một cực phát triển kinh tế của thế giới cũng như của khu vực châu Á. Trong những năm gần đây ASEAN đang muốn mở rộng các mối liên hệ kinh tế quốc tế và phát huy ảnh hưởng ở khu vực ĐNÁ, hình thành Hiệp hội Mậu dịch tự do châu Á (AFTA: Asian Free Trade Association) và xa hơn nữa là tiến tới tham gia các Hợp tác kinh tế châu Á-Thái Bình Dương (APEC: Asia Pacific Economic Cooperation). Một hội nghị cấp ngoại trưởng của 12 nước khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đã được triệu tập tại Canberra vào tháng 11.1989, trong đó có mặt ngoại

trưởng của 6 nước ASEAN: ASEAN không thể chậm trễ hơn trong việc mở rộng và phát triển sức mạnh kinh tế chính trị khu vực ĐNÁ, tăng thêm số nước thành viên vào ASEAN.

THỨ 7 VÀ 8

ASEAN 6 nước đang cần phát triển thêm các thành viên mới. Trong số 4 nước còn lại của khu vực ĐNÁ chưa tham gia ASEAN thì Việt Nam và Lào là hai nước có nhiều khả năng là thành viên thứ 7 và 8 của tổ chức này. Sau những đổi mới có kết quả, Việt Nam đã đi dần vào thế ổn định cả về chính trị và kinh tế, tháo gỡ được nhiều hàng rào ngăn cách do quá trình phân cực về chính trị và định kiến về xã hội trước đây giữa các nước trong khu vực, nỗ lực hướng tới hòa giải, hiểu biết lẫn nhau và vì lợi ích chung của toàn khu vực, góp phần ổn định phát triển kinh tế và giữ gìn an ninh khu vực.

Ngày 22.7.1992 Việt Nam đã chính thức tham gia Hiệp ước thân thiện và hợp tác ĐNÁ, bước khởi đầu để tiến tới là thành viên chính thức của ASEAN. Thêm hai nước thành viên mới, ASEAN 8 nước sẽ có quy mô dân số trên 400 triệu, khối lượng dịch vụ do AFTA sẽ có thêm một thị trường đầu tư và trao đổi hàng hóa với hơn 70 triệu dân số, tăng thêm sức mạnh và vai trò của

ASEAN trên thị trường khu vực và thế giới.

Do lợi thế so sánh đồng dạng giữa các nước trong cùng khu vực và do quy mô GNP của toàn khối ASEAN chưa lớn nên lưu lượng hàng hoá trao đổi trong khối chưa nhiều và lợi ích kinh tế đem lại cho mỗi nước thành viên là có hạn. Nhưng về lâu dài, sự liên kết giữa các quốc gia cùng khu vực, nằm kề cận bên nhau sẽ tạo nhiều thuận lợi để có những lợi thế so sánh đặc biệt trong quan hệ kinh tế với các nước ngoài khối, làm tăng thêm lợi ích cho mỗi nước thành viên, cả về kinh tế lẫn an ninh khu vực. Hơn nữa, cùng với một tập hợp các quốc gia có bình quân GNP cũng như bình quân kim ngạch xuất khẩu cao trên 1.000 USD/người, Việt Nam, thành viên thứ 7 chắc sẽ thu được những lợi ích nhất định và những kinh nghiệm hữu ích trong quá trình hội nhập vào nền kinh tế thế giới.

Việt Nam - ASEAN nối vòng tay lớn là một trong những bước khởi hành trên con đường "mở rộng các quan hệ kinh tế với tất cả các nước", "là bạn với cả thế giới".

7-92

VĂN THÁI

(1) Có tài liệu đưa thêm cả Macao, Hồng Kông và Đài Loan vào phạm vi khu vực (xem *L'Etat du Monde 1989-1990*, Ed. La Decouverte, Paris, 1990)



TRÙM ĐIỆN ẢNH LÀM THƯƠNG NGHIỆP

Bán lẻ có lẽ là trò kinh doanh cuối cùng được Run Run Shaw để mắt tới. Nhà tài phiệt điện ảnh Hồng Kông 83 tuổi này mới đây đã gom được 10% cổ phiếu của RH Macy & Co., tổ hợp của hàng bách hóa của Mỹ.

"Tôi coi bán lẻ cũng như mọi chuyện kinh doanh khác - ông giải thích - Tôi đã thấy ngành bán lẻ ở Mỹ vượt được những giai đoạn khó khăn. Tôi tin rằng việc này sau cùng sẽ dẫn tới một thị trường trật tự hơn cho phép những nhà bán lẻ còn tồn tại được ở Mỹ duy trì vững vàng truyền thống phục vụ khách rất tốt của họ. Tôi hi vọng ngành bán lẻ sẽ phục hưng mau lẹ".

Mặc dù tình trạng hiện nay của Macy không sáng sủa lắm - các nhà phân tích thị trường chứng khoán ước đoán nó đã lỗ 200 triệu trong năm 1991 - nhưng Shaw vẫn tin rằng nó sẽ phục hồi mau. "Từ lúc đầu tư, tôi đã thấy nó củng cố từng bước cho vị trí của nó trong thị trường. Rồi ta sẽ thấy nó đạt kết quả thôi".

Shaw, với gia sản độ 1 tỷ USD nhờ làm phim vô hiệp, đã tiếp cận với Macy qua một cô đào là Huiling, cô này kết hôn với Mitchell Finkelstein, trưởng văn phòng thu mua hàng của Macy ở Hồng Kông. Tại lễ cưới, Shaw gặp bố của chú rể vốn là quản trị trong Macy. Cuối 1990, nhân lúc công ty cần bổ sung nguồn vốn, Shaw đã mua lại được số cổ phần ưu đãi trị giá 25 triệu USD, sau đó còn mua thêm một đợt 25 triệu nữa và trở thành người nắm cổ phiếu lớn nhất nhì của Macy, chỉ thua General Electric.

Là con của một chủ hãng dệt ở Thượng Hải, Shaw đã sống ở HK từ 1959 và thành lập hãng phim Shaw Brothers, đã sản xuất hàng trăm bộ phim Kungfu và du nhập chúng vào phương Tây. Lý Tiểu Long cũng từng đóng phim cho hãng của ông.

Ngoài điện ảnh, ông ta còn đầu tư vào TVB (hãng TV lớn nhất HK), vào ngành địa ốc ở San Francisco, khách sạn ở Hawaii. Ông ta cũng là người thường đóng góp vào các công cuộc từ thiện.

PV

theo Asian Business